

Bản án số: 522/2024/HS-ST
Ngày: 13-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Châu

2. Ông Nguyễn Ngọc Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Út – Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 765/2024/HSST, ngày 08/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5534/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

Nguyễn Thị D, sinh năm 2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: H1A, Đường B, Phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị A (chết); hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, con; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 20/10/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 01 năm 03 tháng (Quyết định số 208/QĐ-TA), chấp hành xong hành 22/10/2022.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 21/9/2023 (Có mặt).

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 2000

Thường trú: Tổ 3, khu phố C, Phường D, Thành phố T, tỉnh Phú Yên

Chỗ ở: 38/10 Đường L, Phường N, Thành phố T, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Minh H2, sinh năm 2001

Thường trú: Khu phố L, Phường N, thành phố T, Phú Yên

Tạm trú: 63/8 Đường L, Tổ 31, Phường N, Thành phố T, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

3. Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 2000

Thường trú: Thôn N, xã Y, huyện P, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Mai Kim P, sinh năm 2002

HKTT: Xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: 639/46/12 H, phường Đ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2023, Nguyễn Thị D đi sang Campuchia tìm việc làm và bị đưa vào một công ty ở khu vực O'Smach với công việc chuyên nhấn tin trên mạng xã hội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người Việt Nam. Tại đây, D quen biết và nảy sinh tình cảm với đối tượng T2 làm chung công ty. Đến tháng 6/2023, D được T2 bỏ tiền ra chuộc để D không phải làm việc rồi D sẽ sống chung với T2. Khoảng cuối tháng 8/2023, D về Việt Nam và ở trọ số 639/46/12 H, phường Đ, quận B.

Khoảng đầu tháng 9/2023, các anh Nguyễn Hoàng H1 (sinh năm 2000), Nguyễn Minh H2 (sinh năm 2001) và Nguyễn Đình T1 (sinh năm 2000) từ tỉnh Phú Yên vào Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm và cùng ở trọ tại nhà số 126 đường G, phường Q, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh với chị Ngô Kim N (là bạn gái của anh H1). Qua tìm kiếm thông tin tuyển dụng làm việc trên mạng xã hội Facebook, anh H1 liên hệ với tài khoản tên “Nguyễn Văn Quynh” để xin việc làm. Qua trao đổi, “Quynh” đồng ý nhận các anh H1, T1 và H2 làm công việc bốc xếp hàng hóa tại tỉnh Long An và hẹn trưa ngày 14/9/2023, sẽ cho xe đến đón. Anh H1 cung cấp số điện thoại 0898099420 của chị N cho “Quynh” để liên lạc khi đến đón.

Khoảng 07 giờ ngày 14/9/2023, T2 sử dụng tài khoản Facebook tên “Nguyễn Văn Quynh” nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho D, T2 nhờ D hỗ trợ đi cùng với 03 người mà T2 đã dụ dỗ được đưa sang Campuchia làm việc tại công ty để T2 được về và T2 hướng dẫn D khi gặp 03 người nam đi chung phải giới thiệu tên là “Hân” cùng đi làm chung với công việc là quản lý sổ sách để tạo lòng tin thì D đồng ý.

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 14/9/2023, anh Nguyễn Đình L (là tài xế xe

taxi của hãng Vinasun) điều khiển xe taxi biển số 50E-10980 đến nhà trọ số 126 đường G, phường Q, quận V và liên lạc với số điện thoại 0898099420 để đón anh H1, H2 và T1 rồi đến đón Nguyễn Thị D chở đến khu vực xã Tuyên Thạnh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. Tại đây, D và các anh H1, H2 và T1 được 04 người đàn ông đi xe máy chở đi theo đường mòn biên giới sang địa phận nước Campuchia. Sau đó, cả nhóm lần lượt được luân chuyển qua xe ô tô để di chuyển đến chợ ở khu vực O'Smach. Sau đó, D gọi điện qua Messenger báo cho T2 biết đã đưa người đến. Lúc này, có 01 người phụ nữ người Việt Nam tên G (không rõ lai lịch, là nhân viên công ty nơi D từng làm trước đây) đi xe ô tô đến gặp D, trả tiền cho người tài xế xe ô tô 2.800 USD rồi đưa các anh H1, H2 và T1 lên xe ô tô khác chở về công ty. D đứng bên ngoài đợi T2 ra nhưng không thấy nên D nhắn tin hỏi T2 thì T2 trả lời do còn nợ số tiền 40.000.000 đồng của một người tên Th (không rõ lai lịch) trong công ty nên chưa được về. Lúc này, do không có tiền nên D nhờ người tài xế lái xe ô tô chở ngược lại khu vực biên giới Campuchia-Việt Nam và được người này cho số tiền 1.000.000 đồng để đón xe quay trở về Việt Nam.

Đối với anh Nguyễn Minh H2, Nguyễn Hoàng H1 và Nguyễn Đình T1, sau khi bị đưa vào công ty, G nói với cả nhóm biết nếu muốn về Việt Nam phải trả 5.000 USD/1 người hoặc ở lại làm việc (không được trả lương) trong thời hạn 01 năm thì mới được cho ra khỏi công ty để về Việt Nam, công việc là phải lên mạng Internet tìm kết bạn với người Việt Nam để lừa đảo chiếm đoạt tiền. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/9/2023, lợi dụng nhân viên bảo vệ của công ty sơ hở anh H1, T1 và H2 vượt rào chạy trốn nhưng anh H1 và T1 bị bắt lại, chỉ có H2 trốn thoát. Sau đó được sự giúp đỡ của 01 người phụ nữ Việt Nam sinh sống gần công ty, đến tối ngày 16/9/2023 H2 về đến Việt Nam.

Đến khoảng 10 giờ ngày 15/9/2023, anh K (anh ruột của Hào) gọi điện qua Messenger cho chị Ngô Kim N (bạn gái anh H1) thông báo là các anh H1, H2 và T1 bị bắt đưa sang Campuchia để làm việc nhưng H2 trốn thoát được và gọi điện về báo với gia đình. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, H1 liên lạc cho chị N qua ứng dụng Facebook Messenger nói anh H1 và T1 bị bán cho công ty ở Campuchia, đồng thời chụp ảnh vị trí của anh H1 gửi cho chị N.

Sau khi biết thông tin anh H1 bị lừa bán sang nước ngoài, chị N sử dụng tài khoản Facebook của anh H1 để nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho tài khoản “Nguyễn Văn Quynh” thì người này đòi chị N phải chuyển tiền cho “Quynh” qua số tài khoản 222226051994 Ngân hàng Quân đội (MB bank) mạng tên “Nguyễn The Hoang” thì mới cho anh H1 về (số tiền yêu cầu ban đầu là 250.000.000 đồng rồi giảm dần xuống 150.000.000 đồng và 30.000.000 đồng).

Chiều ngày 15/9/2023, chị Ngô Kim N cùng bà Nguyễn Thị Tuyết M (là dì ruột của anh H1) đến Công an phường Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo sự việc.

Qua điều tra, xác minh ngày 21/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với

Nguyễn Thị D và Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của D 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu đỏ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 530/CT-VKS-P2 ngày 06/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội “Mua bán người” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Minh H2 trình bày: Yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần là 62.560.000 đồng và tiền tổn thất kinh tế do thu nhập bị mất và các chi phí khác là 98.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường là 167.060.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Hoàng H1 trình bày: Yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng và chi phí phát sinh khác để bị hại về nước.

Tuy nhiên, tại phiên tòa 02 bị hại H1 và H2 chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập bị mất và các chi phí khác. Do đó, 02 bị hại đề nghị tách phần này để các bị hại khởi kiện sau nếu có yêu cầu. Đề nghị bị cáo bồi thường tiền tổn thất về tinh thần.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và đồng ý bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá những chứng cứ xác định hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 09 đến 10 năm tù về tội “Mua bán người”. Và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, các bị hại,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định:

Vào ngày 14/9/2023, bị cáo Nguyễn Thị D đã có hành vi giúp T2 lừa gạt các bị hại Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Minh H2 và Nguyễn Đình T1 ra khỏi biên giới nước Việt Nam đưa sang Campuchia để chuyển giao cho đối tượng khác nhằm mục đích nhận tiền và cưỡng bức lao động. Cụ thể, theo hướng dẫn của T2, D giới thiệu với H1, H2, Hay tên là “Hân” cùng đi làm chung với công việc là quản lý sổ sách để tạo lòng tin, sau đó dẫn 03 người này đi sang địa phận nước Campuchia rồi báo cho T2 để T2 báo cho đối tượng G (không rõ lai lịch) đến và dẫn H1, H2 và T1 đi.

Hành vi này của bị cáo D đã phạm vào tội “Mua bán người” thuộc trường hợp “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” và “Đối với từ 02 người đến 05 người”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo D về tội “Mua bán người” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý hành chính và trật tự an toàn, xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền sự, ngày 20/10/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 01 năm 03 tháng (Quyết định số 208/QĐ-TA). Do đó, thuộc trường hợp có nhân thân xấu nên cần cân nhắc xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, các bị hại H1, H2 đã đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên Hội đồng

xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với các đối tượng khác:

- Đối với T2 có hành vi dụ dỗ Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Minh H2, Nguyễn Đình T1 sang Campuchia để chuyển giao cho đối tượng khác nhằm mục đích nhận tiền. Hiện nay, T2 không có ở địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi “Mua bán người” của T2 để tiếp tục điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với Nguyễn Thế Q có hành vi đưa tài khoản ngân hàng cho T2 để người nhà bị hại chuyển tiền chuộc. Qua xác minh, Q không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đang tiếp tục xác minh, điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với đối tượng G (chưa rõ lai lịch) có hành vi nhận Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Minh H2 và Nguyễn Đình T1 đi từ Việt Nam sang Campuchia để chuyển giao cho đối tượng khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xác định được lai lịch nên không xử lý là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Hoàng H1 yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng và các chi phí khác. Bị hại Nguyễn Minh H2 yêu cầu bồi thường 62.560.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và 98.000.000 đồng tiền thiệt hại về kinh tế như thu nhập bị mất, chi phí y tế, chi phí đưa các bị hại về Việt Nam. Sau đó, các bị hại đồng ý tách yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất và các chi phí khác để khởi kiện sau, chỉ yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần. Bị cáo D đồng ý bồi thường cho các bị hại tiền tổn thất tinh thần.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo D và buộc bị cáo D bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho anh Nguyễn Hoàng H1 là 50.000.000 đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Minh H2 62.560.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường về thiệt hại do thu nhập bị mất, chi phí y tế, hay chi phí khác. Do các bị hại chưa thu thập được tài liệu chứng minh cho các yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần yêu cầu bồi thường về thiệt hại do thu nhập bị mất và các chi phí khác cho anh Nguyễn Hoàng H1 và anh Nguyễn Minh H2 bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, màu đỏ Imei: 355843086275017 (thực nhận 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ, model A1784, mặt kính bể, camera bể, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT/050BB/2025, là điện thoại của chị Nguyễn Mai Kim P. P cho D mượn điện thoại. Xét đây là điện thoại của chị P, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho chị P.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 5.628.000 (năm triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2023.

[2] Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng H1 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D bồi thường cho anh Nguyễn Minh H2 62.560.000 (sáu mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại cho đến khi thi hành xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải bồi thường theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất và chi phí khác cho anh Nguyễn Hoàng H1 và anh Nguyễn Minh H2 nếu có yêu cầu.

Trả lại cho chị Nguyễn Mai Kim P: 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 7 Plus, màu đỏ Imei: 355843086275017 (thực nhận 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ, model A1784, mặt kính bể, camera bể, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT/050BB/2025.

Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/050 ngày 05/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm 5.628.000 (năm triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (3)
- THAHS TAND TP.HCM; (1)
- Phòng PV06 - CA TP.HCM; (1)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam

